

## **Bài 32. SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC CỦA VẬT NUÔI (1 tiết)**

### **I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài này, GV phải làm cho HS :

1. Biết được định nghĩa về sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi.
2. Biết được các đặc điểm của sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.
3. Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.

### **II. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

#### **1. Gợi ý phân bố bài giảng**

Bài có 3 phần :

*I. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi*

*II. Đặc điểm sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi*

*III. Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi*

#### **2. Một số kiến thức bổ sung**

Sự phân chia giai đoạn ở một số vật nuôi :

Trong quá trình phát triển cá thể, hầu hết các vật nuôi đều phải trải qua giai đoạn trong thai và giai đoạn ngoài thai.

– Giai đoạn trong thai được chia ra các thời kì sau :

+ Thời kì phôi tính từ lúc trứng thụ tinh đến khi hợp tử bám chắc vào niêm mạc tử cung.

Đặc điểm chung của thời kì phôi là hợp tử phân chia rất nhanh trong một thời gian ngắn. Chất dinh dưỡng cho phôi lấy từ noãn hoàng của trứng và dịch tử cung. Trong giai đoạn này hợp tử còn di động dễ dàng nên có thể bị tiêu biến. Vì vậy sau khi phối giống cần giữ cho vật nuôi yên tĩnh, tránh bị kích động.

+ Thời kì tiền thai bắt đầu từ lúc hợp tử bám chắc vào niêm mạc tử cung cho đến khi xuất hiện các nét đặc trưng về giải phẫu sinh lí và trao đổi chất ở các lá phôi đang phát dục mạnh.

Trong thời kì tiền thai, quá trình phát dục rất mãnh liệt, chất dinh dưỡng lấy từ cơ thể mẹ.

+ Thời kì thai nhi bắt đầu từ sau khi kết thúc thời kì tiền thai cho đến khi thai nhi được đẻ ra. Trong thời kì này cân nặng và kích thước các chiểu của thai tăng rất nhanh, cơ thể mẹ cần được cung cấp nhiều và đủ các chất dinh dưỡng để nuôi thai. Trong thời kì này không được làm cho vật nuôi mẹ sợ hãi, dễ gây sảy thai hoặc đẻ non.

Sau đây là thời gian ở các thời kì trong thai của một số loài vật nuôi :

Loài vật nuôi	Các thời kì (ngày)		
	Phôi	Tiền thai	Thai nhi
Lợn	1 – 22	23 – 38	39 – 114
Dê, cừu	1 – 28	29 – 45	46 – 159
Bò	1 – 34	35 – 60	61 – 284
Thỏ	1 – 12	13 – 18	19 – 30

– Giai đoạn ngoài thai gồm các thời kì sau :

+ Thời kì bú sữa bắt đầu từ sau khi đẻ cho đến khi vật nuôi thôi bú sữa mẹ. Thời kì này dài hay ngắn tùy loài vật nuôi.

Ví dụ : Trâu, bò, ngựa : 6 tháng

Lợn : 2 tháng

Cừu : 4 tháng

Thỏ : 1 tháng

+ Thời kì thành thực bắt đầu từ lúc vật nuôi cai sữa cho đến khi có biểu hiện về tính dục : vật nuôi có khả năng sản sinh những tế bào sinh dục, có khả năng thụ thai. Các dấu hiệu về sinh dục cũng đã xuất hiện như có phản xạ về tính động dục.

Tuổi bắt đầu thành thực về tính dục ở các loài vật nuôi như sau :

Loài vật nuôi	Tuổi (tháng)	Loài vật nuôi	Tuổi (tháng)
Bò dục	12 – 18	Bò cái	12
Trâu dục	18–30	Trâu cái	16–24
Cừu, dê dục	6–8	Cừu, dê cái	6
Lợn dục	7–8	Lợn cái	7–8
Thỏ dục	5–8	Thỏ cái	6–8

+ Thời kì trưởng thành bắt đầu từ lúc vật nuôi đã có biểu hiện về tính dục đến lúc cơ quan sinh dục và chức năng sinh lí khác hoạt động hoàn chỉnh. Ở thời kì trưởng thành việc trao đổi chất của vật nuôi ổn định. Sự phát triển của cơ thể mô cơ, xương hoàn chỉnh, mỡ bắt đầu tích lũy. Tính di truyền ổn định. Người ta gọi thời kì này là thời kì thành thục về thể vóc.

Tuổi thành thục về thể vóc của một số loài vật nuôi :

Loài vật nuôi	Tuổi (năm)	Loài vật nuôi	Tuổi (năm)
Ngựa đực	3,5	Ngựa cái	3
Bò đực (huống cày, kéo)	3,0	Bò cái (huống cày, kéo)	2,5
Trâu đực	3–3,5	Trâu cái	2,5–3
Dê, cừu đực	1–1,5	Dê, cừu cái	1–1,5
Lợn đực	8–10 tháng	Lợn cái	8–10 tháng

+ Thời kì già cỗi bắt đầu từ lúc sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi giảm dần, khả năng sinh sản yếu dần rồi mất hẳn. Quá trình trao đổi chất kém, hiệu quả sử dụng thức ăn thấp.

Sự phân chia giới hạn các thời kì ở vật nuôi còn phụ thuộc vào sự tác động của con người.

### III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Chuẩn bị bài giảng

##### 1.1. Chuẩn bị nội dung

Nghiên cứu SGK và thu thập các tài liệu có liên quan.

##### 1.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học

– Bảng số liệu về cân nặng, chiều cao, chiều dài của một số loài vật nuôi kèm theo hình vẽ con vật hoặc ảnh phóng to của loài vật nuôi đó.

– Sơ đồ về đặc điểm của sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi (Sơ đồ 8 SGK).

#### 2. Các hoạt động dạy học

##### 2.1. Hoạt động 1. Giới thiệu bài học

Bài học gồm các kiến thức trừu tượng, khó hình dung với HS lớp 7. GV nêu mục tiêu của bài học : học xong bài này HS phải hiểu được khái niệm về sự

sinh trưởng và sự phát dục biểu hiện ở sự thay đổi về số lượng và chất lượng của các tổ chức bộ phận cơ thể cũng như của cả cơ thể. Sự sinh trưởng và sự phát dục luôn xảy ra xen kẽ và hỗ trợ nhau để cho cơ thể phát triển. HS cũng phải liệt kê được 3 đặc điểm của sự sinh trưởng và sự phát dục, 3 đặc điểm này mang tính quy luật, nó đúng với mọi loại vật nuôi. HS cũng phải hiểu và giải thích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi, từ đó con người có thể chủ động điều khiển được quá trình sinh trưởng và phát dục của vật nuôi theo sự mong muốn của con người. Đó cũng chính là ý nghĩa thực tiễn của bài.

## **2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm về sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi**

Phần này GV có thể nêu vấn đề, giảng giải rồi hướng dẫn HS lấy ví dụ về sinh trưởng theo trình tự như trong SGK.

"Sự phát dục" là một khái niệm khó. Nếu sự thay đổi của cơ thể về lượng (tăng cân, dài thêm...) là biểu hiện của sự sinh trưởng, bản chất của sự sinh trưởng là sự lớn lên và phân chia tế bào, các tế bào sinh ra sau giống hệt các tế bào đã sinh ra nó, thì sự phát dục là sự thay đổi về chất, các tế bào sinh ra sau khác với các tế bào đã sinh ra nó.

GV nêu câu hỏi "Thế nào là sự phát dục" rồi phân tích ví dụ trong SGK về sự sinh trưởng và sự phát dục của buồng trứng để HS phân biệt được sự sinh trưởng và sự phát dục.

GV có thể gợi ý để HS suy nghĩ về sự phát triển của tinh hoàn ở con đực (lúc còn nhỏ, tinh hoàn lớn dần, đó là sự sinh trưởng. Đến tuổi nào đó (tùy loài vật nuôi) tinh hoàn bắt đầu sản sinh ra tinh trùng và hoóc môn "đực tính". Đó là sự phát dục).

Để kiểm tra sự tiếp thu của HS, GV cho làm bài tập vào vở các hiện tượng đã nêu trong SGK hoặc gọi HS trả lời từng hiện tượng đã cho, sau đó GV củng cố kiến thức về sự sinh trưởng và sự phát dục.

## **2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu đặc điểm của sự sinh trưởng và sự phát dục ở vật nuôi**

GV dùng sơ đồ 8 (SGK) để hướng dẫn HS thảo luận và nêu ví dụ minh họa tại lớp.

Ví dụ : Em hãy quan sát sơ đồ 8 (SGK) và cho biết sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi có những đặc điểm nào ?

(HS sẽ nêu 3 đặc điểm theo sơ đồ đã cho).

– Em hãy nêu ví dụ về sự sinh trưởng không đồng đều ở vật nuôi. (Sự tăng cân, tăng chiều cao, chiều rộng của cơ thể không như nhau ở các lứa tuổi...).

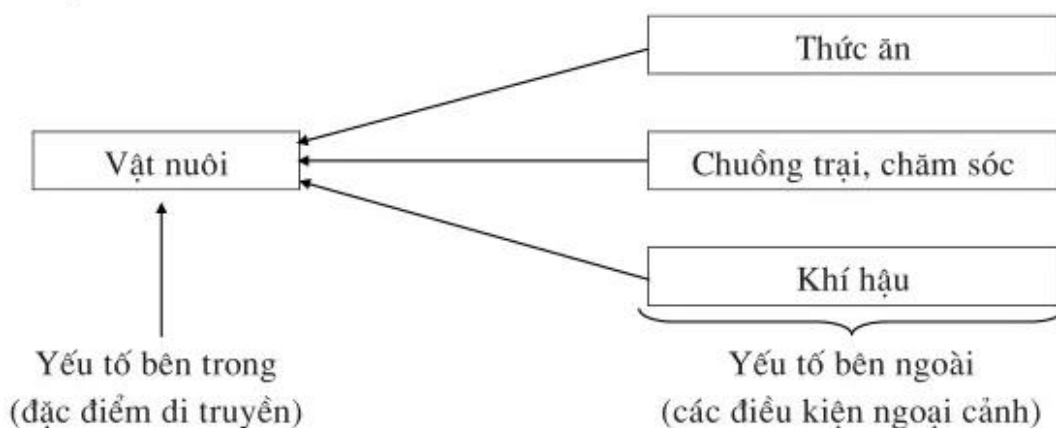
– Hãy nêu ví dụ về sự phát triển theo giai đoạn. (Vật nuôi nói riêng, động vật nói chung đều trải qua giai đoạn trong thai rồi mới đến giai đoạn ngoài thai. Ở mỗi giai đoạn lại phải trải qua các thời kì kế tiếp nhau, không đảo ngược lại được).

– Em hãy nêu ví dụ minh họa cho sự phát triển theo chu kì của vật nuôi.

HS dễ nhận biết hiện tượng chu kì trong hoạt động sinh sản của vật nuôi (như lợn nái có chu kì động dục là 21 ngày...) nhưng khó nhận biết tính chu kì trong hoạt động trao đổi chất. Chỉ cần dừng lại ở sự nhận biết có tính chu kì trong quá trình phát triển của vật nuôi là được.

#### 2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu về sự tác động của con người đến sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi

GV có thể dùng sơ đồ các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi dưới đây để hướng dẫn HS nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi



Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng, con người có thể tác động, điều khiển sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi theo hướng có lợi cho con người.

#### 2.5. Hoạt động 5. Tổng kết bài học

– GV gọi 1 – 2 em HS đọc phần "Ghi nhớ".

– GV hệ thống lại bài học, nêu câu hỏi, HS trả lời.

– GV nhận xét, đánh giá mục tiêu bài đã đạt chưa và tinh thần học tập của HS.

– Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cuối bài và đọc trước bài 33 SGK.